

Số: 4-9 /QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 31 tháng 01 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Viên chức Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành quy định chế độ làm việc của giảng viên;

Theo đề nghị của lãnh đạo Phòng Tổ chức - Hành chính và Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành quy định chế độ làm việc của giảng viên:**

1. Bổ sung đối tượng được giảm giờ chuẩn tại Bảng 2 Điều 6 như sau:

Stt	Chức vụ	Tỷ lệ %
1	Chủ tịch Hội đồng trường, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	15%
2	Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20%
3	Trưởng phòng, Giám đốc trung tâm, Thư ký Hội đồng trường	25%
4	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc trung tâm	30%
5	Giảng viên kiêm nhiệm tại các phòng, trung tâm	35%
6	Bí thư Đoàn trường	50%
7	Phó Bí thư Đoàn Trường	60%
8	Chủ tịch Hội Sinh viên	60%
9	Phó Chủ tịch Hội Sinh viên	70%
10	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa a) Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô từ 800 người học trở lên: - Trưởng khoa - Phó trưởng khoa	60% 70%
	b) Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học: - Trưởng khoa - Phó trưởng khoa	70% 80%
11	Bí thư Đoàn khoa, UVTV Đoàn trường	75%
12	Trưởng bộ môn, Phó bí thư Đoàn khoa, Liên Chi hội trưởng, UVBCH Đoàn trường; UVBTK Hội SV, Bí thư Chi đoàn cơ sở	80%
13	Phó trưởng BM, Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Liên Chi hội phó, UVBTV Đoàn khoa; Phó bí thư Chi đoàn cơ sở	85%
14	Phó Bí thư chi bộ, Bí thư, Phó Bí thư chi đoàn VCGV của khoa, UVBCH Đoàn khoa	90%
15	Giảng viên là quân nhân dự bị, tự vệ của Trường được cử đi diễn tập, huấn luyện được tính 2,5 GC/ngày.	
16	Giảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 44 GC/năm.	
17	Giảng viên là ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng tổ công đoàn không chuyên trách được giảm 22 GC/năm.	
18	Giảng viên nữ đang trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 40 GC/năm.	

2. Sửa đổi, bổ sung quy chuẩn các hoạt động của giảng viên tại Bảng 3 tại Điều 7 như sau:

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
<b>GIẢNG DẠY</b>		
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 tiết dạy lý thuyết trình độ đại học</li> <li>Số sinh viên/lớp:               <ul style="list-style-type: none"> <li><math>\leq 40</math></li> <li>Từ 41 - 50</li> <li>Từ 51 - 60</li> <li>Từ 61 - 70</li> <li>Từ 71 - 80</li> <li><math>\geq 80</math></li> </ul> </li> <li>- 01 tiết dạy bằng tiếng Anh, tiếng Pháp (trừ các học phần chuyên ngữ), cao học</li> </ul>	1,0 + 0,1 + 0,2 + 0,3 + 0,4 + 0,5 + 0,5
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm cho học phần có 01 tín chỉ (30 tiết) thực hành, thí nghiệm</li> <li>+ Không quá 35 SV với các môn thực hành trên máy tính</li> <li>+ Không quá 30 SV với các môn học khác</li> <li>- Không quá 50 SV đối với lớp học phần GD thể chất</li> </ul>	0,6/01 SV 01/01 SV 01/01 SV
3	Trợ lý khoa	50/năm
4	Cố vấn học tập/lớp/năm, tính theo sĩ số sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> <li><math>\leq 40</math></li> <li>Từ 41 - 50</li> <li>Từ 51 - 60</li> <li>Từ 61 - 70</li> <li>Từ 71 - 80</li> <li><math>\geq 80</math></li> </ul>	40 44 48 52 56 60
5	Công tác đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ) bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm gồm: ra đề, làm đáp án, coi thi, chấm thi, nhập điểm, báo điểm (các lớp học phần ĐH)	01/5 SV
	Công tác đánh giá, gồm: ra đề, làm đáp án, coi thi, chấm thi, nhập điểm, báo điểm (các lớp học phần sau đại học)	1,5/5 SV
6	Coi thi	01/ca thi
7	Hội đồng thi: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giờ hành chính: Phòng Thanh tra - Pháp chế</li> <li>- Khảo thí - Đảm bảo chất lượng phụ trách.</li> </ul>	Thực hiện theo quy chế chi tiêu

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	- Ngoài giờ hành chính (các buổi tối, thứ 7 và chủ nhật): Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng cung cấp lịch thi; Ban Giám hiệu phân công hội đồng trực thi theo lịch.	nội bộ hiện hành của Trường
8	Giảng viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thí nghiệm	40/năm
9	Giảng viên kiêm nhiệm công tác của Ban Quản trị hệ thống thông tin	70/năm
10	Hướng dẫn sinh viên thực hiện học phần thực tập thực tế, đồ án môn học, chuyên đề tại Trường hoặc ở cơ sở ngoài Trường (bao gồm hướng dẫn và đánh giá báo cáo thực tập của sinh viên)	02 /SV
	Hướng dẫn SV làm tiểu luận, thực tập tốt nghiệp đại học	07/tiểu luận
	Hướng dẫn SV làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp đại học	18/khóa luận
<b>HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH</b>		
11	Hội đồng thẩm định bài giảng (Từ 3 đến 5 thành viên) + Chủ tịch + Phản biện + Ủy viên kiêm thư ký	04 05 04
	Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học, dự án, giáo trình, chương trình đào tạo, Hội đồng nghiệm thu khác + Chủ tịch + Phản biện + Ủy viên + Thư ký	06 08 05 06
	Hội đồng thẩm định đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học (03 thành viên/hội đồng) - Đối với hội đồng dưới 50 đồ án, khóa luận: + Chủ tịch + Phó Chủ tịch, Ủy viên + Thư ký - Đối với hội đồng từ 50 đồ án, khóa luận trở lên: + Chủ tịch + Phó Chủ tịch, Ủy viên + Thư ký	05 03 04 07 05 06

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	Hội đồng (Ban) đánh giá đề án, khóa luận tốt nghiệp đại học (03 thành viên) + Trưởng ban + Phản biện + Thư ký	04 04 03
	Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của sinh viên (03 thành viên) + Chủ tịch + Phản biện + Thư ký	04 04 03
	Chăm tiêu luận, báo cáo thực tập tốt nghiệp đại học (không thành lập Hội đồng)	02/báo cáo
<b>NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>		
12	<b>Nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCHN) cấp trên cơ sở đã được nghiệm thu</b>	
	+ Cấp Nhà nước	270
	+ Cấp Bộ - Tỉnh - TP	250
	<b>Nhiệm vụ KHCHN, đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương đã được nghiệm thu</b>	
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Xuất sắc	180
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Tốt	170
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Khá	160
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Đạt	150
	Nhiệm vụ KHCHN khác (có yếu tố nước ngoài/hợp tác doanh nghiệp) sẽ do bộ phận thẩm định của Trường đề xuất quy chuẩn tương đương	-
Xây dựng Đề án mở ngành trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ được phê duyệt	450	

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	Xây dựng đề án mở ngành trình độ đại học được phê duyệt	300
	Xây dựng chương trình đào tạo đại học liên thông và đại học văn bằng 2 được phê duyệt	150
	Đề án đánh giá, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được đánh giá đạt	450
13	Hướng dẫn SV làm đề tài NCKH cấp Trường trở lên và được đánh giá đạt khi nghiệm thu	20/đề tài
<b>BIÊN SOẠN TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO</b>		
14	Biên soạn bài giảng	20/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ; nếu viết bằng tiếng nước ngoài (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung) được nhân hệ số 1,5 (trừ các học phần viết cho các lớp chuyên ngữ)	60/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung từ 30%-50% (theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu)	30/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung trên 50% (theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu)	40/tín chỉ
	Xuất bản giáo trình đã được nghiệm thu (có chỉ số ISBN)	40/tín chỉ
	Biên soạn sách chuyên khảo bằng tiếng Việt	120
	Sách tham khảo bằng tiếng Việt	80
Biên soạn sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài	100/chương	
Sách tham khảo bằng tiếng nước ngoài (được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín trên thế giới)	70/chương	
<b>BÀI BÁO KHOA HỌC ĐƯỢC ĐĂNG</b>		
<b>+ Tạp chí khoa học nước ngoài, Book series, Conference proceedings (có ISBN)</b>		
15	Được SCImago xếp hạng Q1	1000
	Được SCImago xếp hạng Q2	600
	Được SCImago xếp hạng Q3	300
	Được SCImago xếp hạng Q4	200
	Thuộc danh mục ISI, Scopus, ACH, SCImago nhưng chưa được xếp hạng	150
	Không thuộc danh mục SCImago	100
	<b>+ Tạp chí khoa học cấp Trường và tạp chí khoa học trong nước có trong danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước (HĐCDGSNN) (nếu đăng bài bằng tiếng nước ngoài được cộng thêm 30 GC)</b>	

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	Tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính tối đa từ 0.75 điểm trở lên	150
	Tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính tối đa dưới 0.75 điểm hoặc Tạp chí khoa học của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	120
	Tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISSN, có phản biện.	80
	<b>+ Bài đăng kỷ yếu hội nghị/hội thảo</b>	
	Kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc tế đăng toàn văn bằng tiếng nước ngoài, có xuất bản, có phản biện	50
	Kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc gia đăng toàn văn bằng tiếng Việt, có xuất bản, có phản biện	30
	Bài viết đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp khoa, cấp trường, tỉnh, thành phố, có xuất bản, có phản biện	15
	Bài viết đăng trên bản tin Khoa học - Đào tạo của Trường	15
16	Sản phẩm NCKH đã được cấp quyền sở hữu trí tuệ	100
17	Báo cáo seminar cấp Khoa được đánh giá loại khá trở lên	15
	Báo cáo seminar cấp Trường được đánh giá loại khá trở lên	20
	Hội đồng thẩm định seminar cấp Khoa, cấp Trường + Chủ tọa + Thư ký	03 02
18	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (thường trực/ủy viên/thư ký)	50/40/50
	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa (chủ tịch/ủy viên/thư ký) (Giảng viên giữ vị trí trong Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thì được hưởng mức cao nhất)	20/15/20

**Lưu ý:**

1. Các sản phẩm khoa học như: bài báo, đề tài/dự án, sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập,... được tính theo năm học, phải có ít nhất 2 tác giả ghi rõ đơn vị công tác, có đăng ký và được phê duyệt trước ngày công bố/nghiệm thu ít nhất 30 ngày, thì mới được tính giờ chuẩn cho viên chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

2. Nếu bài báo khoa học có liên quan với kết quả của đề tài được cử đi đào tạo hoặc kết quả của đề tài/dự án khoa học đã/đang được giao nhiệm vụ thực hiện, thì được tính bằng 50% số giờ chuẩn quy đổi.

3. Sản phẩm khoa học được phân chia 50% khối lượng cho nhóm tác giả chính (không quá 02 viên chức) là tác giả thứ nhất - first author hoặc tác giả chịu trách nhiệm - corresponding author (xét theo thứ tự ưu tiên) và 50% chia đều cho các thành viên còn lại. Những trường hợp đặc biệt tác giả chính trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

4. Ban Giám hiệu hỗ trợ cơ sở pháp lý và khuyến khích giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ với các đơn vị bên ngoài khi hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và khi tham gia phải ghi rõ đơn vị công tác.

5. Các nhà xuất bản sau đây được xem là các tạp chí uy tín như: Springer; Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor and Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; Degruyter; World Scientific.... Ngoài ra, các nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm cũng thuộc các Nhà xuất bản có uy tín.

6. Trường hợp viên chức có nhiều sản phẩm khoa học, thì mức tính giờ chuẩn cho nhiệm vụ NCKH được tính không vượt quá thời gian làm việc của giảng viên trong năm học theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sửa đổi khoản 7 Điều 8 như sau:

“Điều 8. Các nhiệm vụ khác

7. Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu và sự phân công của Nhà trường, UBND thành phố Cần Thơ, Trung ương.”

4. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Quy định đối với giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học, đào tạo lý luận chính trị

1. Đối với giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học:

a) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học trong nước nếu chọn không thực hiện giờ chuẩn, nhưng có tham gia công tác khác thì được hưởng chế độ theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học trong nước có thực hiện giờ chuẩn giảng dạy (50% giờ chuẩn) thì được hưởng phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, bổ sung thu nhập theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.



c) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài được miễn 100% tổng định mức giờ chuẩn và được hưởng các chế độ theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Đối với giảng viên được cử đi đào tạo lý luận chính trị

a) Giảng viên được cử đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, tốt nghiệp đúng tiến độ, xếp loại tốt nghiệp từ loại Khá trở lên được giảm 70 GC/khóa học.

b) Giảng viên được cử đi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, tốt nghiệp đúng tiến độ, xếp loại tốt nghiệp từ loại Khá trở lên được giảm 50 GC/khóa học.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.

Các đơn vị thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ căn cứ quyết định thi hành. /

### **Nơi nhận:**

- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TC.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Huỳnh Thanh Nhã**



